TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ -ST
Ngày: 21-8-2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thưởng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và bà Trần Thị Thúy Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 367/2023/TLST-HNGĐ ngày 22-5-2023, về việc: *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị D, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 01 Đ, tổ 3, phường A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Duy N, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 01 Đ, tổ 3, phường A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11-5-2023, và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Trương Thị D trình bày: Tôi tự nguyện xây dựng gia đình với ông Đặng Duy N, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 24-02-2022. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống với nhau thường xuyên xảy mâu thuẫn, vì vợ chồng bất đồng quan điểm và không tôn trọng nhau nên đã sống ly thân từ khoảng tháng 11-2022 cho đến nay, ông N bỏ đi làm ăn xa tại Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh từ 01 đến 02 tháng mới về nhà được 01 hoặc 02 ngày lại đi tiếp, vợ chồng không quan tâm, động viên, hỏi han gì nhau

mà đã bỏ mặc nhau từ đó cho đến nay. Nhận thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông N.

Tôi và ông N không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thu lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án cho bị đơn là ông Đặng Duy N, nhưng ông N đã trốn tránh, không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Quan hệ pháp luật có tranh chấp là: *"Ly hôn"*; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P. Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng và việc thu thập chứng cứ, cấp, tống đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án*"Ly hôn",* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P được quy định tại các Điều: 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nhưng không có mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, theo quy định tại các Điều: 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Trương Thị D, sinh năm 1981 và bị đơn là ông Đặng Duy N, sinh năm 1976, hai người đã tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 24-02-2022. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà D và ông N đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, không thuộc trường hợp cấm kết hôn nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Bà D với ông N chung sống vợ chồng với nhau từ tháng 02-2022 nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vì không hợp tính nhau. Đến tháng 11-2022, ông N bỏ nhà đi làm ăn xa, thi thoảng mới về nhà, tình cảm vợ chồng không gắn bó mà bỏ mặc nhau từ đó đến nay.

[4] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông Nghiêm đến tham gia tố tụng, nhưng ông N không đến và không có văn bản phản đối yêu cầu

khởi kiện xin ly hôn của bà D. Điều đó cho thấy ông Nghiêm đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bỏ mặc bà D, không quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng.

[5] Kết quả xác minh của Tòa án vào ngày 30-6-2023, tại địa phương nơi bà D và ông N đã chung sống với nhau và được biết ông Nghiêm chung sống vợ chồng với bà D tại số 01 Đ, tổ 3, phường A, thành phố P một thời gian dài. Về tình hôn nhân giữa bà D và ông N như thế nào thì chính quyền địa phương không biết rõ, nhưng khoảng từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay thì ít khi thấy ông N có mặt ở nhà, khoảng 01 hoặc 02 tháng ông N mới về nhà ở được khoảng 02 ngày rồi lại đi và lại về.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm nêu trên đã đủ căn cứ kết luận quan hệ hôn nhân của bà Trương Thị D và ông Đặng Duy N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà D là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận.

[6] Bà Trương Thị D và ông Đặng Duy N không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Buộc nguyên đơn là bà Trương Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào các Điều: 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

-Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị D.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị D được ly hôn ông Đặng Duy N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trương Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0000306 ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Người có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21-8-2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố P;
- UBND phường Diên Hồng, TP.P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thưởng